

Số: 01/2024/QĐST-HNGĐ

Quận 3, ngày 19 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v chấm dứt việc nuôi con nuôi

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Ánh Phượng.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Ngô Thị Thu Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3 mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 544/TLST-HNGĐ ngày 09/11/2023 về việc “Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/. Ông N.V.H, sinh năm 1962 (Xin vắng mặt)

2/. Bà T.T.N, sinh năm 1965 (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 675, đường H.S, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Bà N.T.K.H, sinh năm 1958 (Xin vắng mặt)

2/. Chị N.A. T, sinh năm 1991 (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 675, đường H.Sa, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo lời trình bày của người yêu cầu ông N.V.H và bà T.T.N tại Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc “Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi” đề ngày 08/11/2023 và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

“Thời gian năm 1991 vì công việc làm ăn xa nên vợ chồng ông bà không thể đi làm khai sinh cho con là N.A.T, sinh năm 1991. Do vậy, vợ chồng ông bà có nhờ chị gái ruột của ông N.V.H là bà N.T.K.H, CCCD số: 079xxxxxxx và

chồng ông N.M.C (Đã chết) đứng tên khai sinh cho bé N.A.T. Đến năm 2002, ông bà xin cháu lại làm con nuôi nhưng thật sự cháu là con ruột của ông bà.

Do đó, ông bà yêu cầu Tòa tuyên chấm dứt việc nuôi con nuôi của hai vợ chồng ông bà đối với cháu N.A.T, sinh năm 1991, CCCD số 079191035883, địa chỉ tại số 675 H.S, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để ông bà làm thủ tục nhận lại con ruột của ông bà.”

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N.T.K.H tại Bản tự khai ngày 01/12/2023 thể hiện:

Thời gian năm 1991, ông N.V.H (là em ruột của bà) vì công việc làm ăn xa nên không thể đi làm khai sinh cho con là N.A.T, sinh năm 1991 nên có nhờ bà và chồng bà là ông Nguyễn Mạnh Cường (đã chết) đứng tên khai sinh cho cháu. Năm 2002, ông N.V.H có làm thủ tục xin cháu lại làm con nuôi nhưng thật sự cháu là con ruột của ông N.V.H. Do đó, bà đồng ý với yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của ông N.V.H và bà T.T.N.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị N.A.T tại Bản tự khai ngày 01/12/2023 thể hiện:

Chị đã xem và đọc kỹ nội dung đơn của ông N.V.H và bà T.T.N. Chị xác nhận nội dung đơn của ông H – bà N là hoàn toàn đúng sự thật. Chị đồng ý với yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của ông H - bà N. Chị không có ý kiến gì khác.

Tại phiên họp:

- *Người yêu cầu ông N.V.H – bà T.T.N:* Xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N.T.K.H và chị N.A.T:* Xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến tại phiên họp về thủ tục tố tụng và phân tích nội dung vụ việc: Căn cứ các lời trình bày của đương sự, các tài liệu chứng cứ do Tòa án nhân dân Quận 3 thu thập được cho thấy yêu cầu của ông N.V.H – bà T.T.N là có cơ sở, đề nghị Tòa án nhân dân Quận 3 chấp nhận đơn yêu cầu của ông H – bà N về việc “Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận 3 nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông N.V.H – bà T.T.N yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với chị N.A.T, sinh ngày 01/8/1991, hiện đang cư trú tại 675 H.S, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ vào khoản 5 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm 1 khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ của việc dân sự này là

“Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3.

[2]. Về thủ tục giải quyết vắng mặt:

[2.1]. Tại Đơn xin vắng mặt đề ngày 08/01/2024, người yêu cầu ông N.V.H – bà T.T.N xác định: Vẫn giữ nguyên yêu cầu giải quyết việc dân sự, căn cứ vào khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt ông H – bà N.

[2.2]. Tại Bản tự khai đề ngày 01/12/2023 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N.T.K.H và của chị N.A.T đều xác nhận cùng thống nhất với yêu cầu của ông H – bà N đồng thời xin vắng mặt suốt quá trình tố tụng tại Tòa. Căn cứ vào khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành giải quyết vắng mặt bà H, chị T.

[3]. Về yêu cầu của người yêu cầu ông N.V.H – bà T.T.N:

Ngày 01/4/2002, Ủy ban nhân dân Phường B1, Quận B có ban hành Quyết định số 45/QĐ/UB công nhận nuôi con nuôi giữa ông N.V.H, sinh năm 1962 và bà T.T.N, sinh năm 1965. Đồng thời cùng ngày 01/4/2002, Ủy ban nhân dân Phường B1, Quận B đã lập Biên bản giao nhận con nuôi (N.A.T, sinh ngày 01/8/1991) giữa bà N.T.K.H và ông N.V.H – bà T.T.N.

Tại Công văn số 15/UBND ngày 08/01/2024 của Ủy ban nhân dân Phường S, Quận B trả lời Công văn số 1916/TAQ3 ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân Quận 3 cũng thể hiện: “*Ông N.V.H và bà T.T.N có nhận con nuôi N.A.T sinh năm 1991 (Theo sổ Đăng ký nhận nuôi con nuôi số hiệu 01 ngày 01/4/2002 và Quyết định số 45/QĐ-UB ngày 01/4/2002 tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh)...*”

Như vậy, quan hệ nuôi con nuôi là hợp pháp và các bên đều thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Xét lời trình bày của người yêu cầu ông H – bà N và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N.T.K.H đều thống nhất việc chấm dứt việc nuôi con để ông H – bà N làm thủ tục xác nhận cha mẹ cho con cho chị N.A.T vì bản chất chị N.A.T thật sự là con đẻ của ông H – bà N. Chị N.A.T nay đã trưởng thành cũng mong muốn về mặt pháp lý thể hiện ông H – bà N là cha mẹ đẻ của mình.

Do đó, yêu cầu của ông H – bà N, là có cơ sở để chấp nhận, căn cứ Điều 78 của Luật Hôn nhân và Gia đình và khoản 1 Điều 25 của Luật Nuôi con nuôi.

[4]. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông N.V.H – bà T.T.N phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm 1 khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149; Điều 150; khoản 2, khoản 3 Điều 367 và các Điều 369, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 78 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 25 của Luật Nuôi con nuôi năm 2010;

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014:

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông N.V.H – bà T.T.N:

Chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa ông N.V.H – bà T.T.N đối với chị N.A.T, sinh ngày 01/8/1991 (theo Quyết định công nhận nuôi con nuôi số 45 QĐ/UB ngày 01/4/2002 của Ủy ban nhân dân Phường B1, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nuôi và con nuôi chấm dứt kể từ ngày quyết định chấm dứt việc nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Ông N.V.H – bà T.T.N phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0002287 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H – bà N đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (Mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được thông báo, niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (Mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Lưu: VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Thị Ánh Phượng